

BẢN SAO

**TÔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG - VVMI**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG - VVMI

Địa chỉ: Tổ 20, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 5
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	6 - 7
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	8 - 9
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 36

N.031344
CÔNG
TRÁCH NHIỆM
KIỂM TOÁN
VIỆT
NAM XƯA



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG - VVMI

Địa chỉ: Tổ 20, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng - VVMI (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng - VVMI tiền thân là Xí nghiệp Xây dựng công nghiệp và dân dụng Hà Nội - đơn vị trực thuộc Công ty Than nội địa (nay là Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP), được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 08/2000/QĐ-BCN ngày 23 tháng 02 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương).

Công ty hoạt động với tên là Công ty Cổ phần Xây lắp Đông Anh - VVMI theo giấy kinh doanh số 0103000030 được đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 04 năm 2000 và thay đổi lần 2 ngày 26 tháng 8 năm 2003, thay đổi lần 3 ngày 22 tháng 04 năm 2005. Sau đó, Công ty hoạt động với tên gọi Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng - VVMI theo giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần 4,5,6,7 và lần 8 ngày 30 tháng 07 năm 2019 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 0101023733, thay đổi lần thứ 8 ngày 30 tháng 7 năm 2019, vốn điều lệ của Công ty là 10.197.000.000 VND được chia thành 10.197 cổ phần, danh sách các cổ đông hiện tại như sau:

TT	Tên cổ đông	Số vốn góp (VND)	Tỷ lệ
1	TCT Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	5.200.470.000	51%
2	Vốn góp của cá nhân khác	4.996.530.000	49%
Cộng		10.197.000.000	100%

2. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng quản trị của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT
- Ông Trịnh Hoàng Nam	Ủy viên
- Ông Nguyễn Văn Cường	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Ban Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Ông Trịnh Hoàng Nam	Giám đốc
- Ông Nguyễn Chí Cường	Phó Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG - VVMI

Địa chỉ: Tổ 20, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019

Các thành viên của Ban Kiểm soát Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Bà Hồ Thị Huệ	Trưởng ban (*)
- Ông Lê Minh Hiền	Trưởng ban (*)
- Bà Phạm Thị Thúy Nga	Thành viên (*)
- Bà Nguyễn Thị Thùy Vân	Thành viên (*)
- Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng	Thành viên

(*) Theo Nghị quyết số 28/2019/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông ngày 22/03/2019, thông qua việc miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát công ty đối với bà Hồ Thị Huệ - Trưởng ban và bà Nguyễn Thị Thúy Vân - Thành viên. Đồng thời thông qua bổ nhiệm nhân sự Ban Kiểm soát đối với Ông Lê Minh Hiền giữ chức vụ Trưởng ban, Bà Phạm Thị Thúy Nga giữ chức vụ thành viên

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại: Tổ 20, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính tại ngày 31/12/2019 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được kiểm toán đính kèm.

5. Các sự kiện quan trọng phát sinh trong năm tài chính

Theo Nghị quyết số 28/2019/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 22/03/2019 thông qua chủ trương tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng - VVMI từ 9.900.000.000 đồng lên thành 10.197.000.000 đồng. Hình thức tăng vốn: Công ty phát hành 29.700 cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận còn lại để chi trả cổ tức cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ hiện có trong tổng cổ phần của Công ty.

Công ty đã hoàn tất thủ tục tăng vốn và được Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần với mã số 0101023733 đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 30/07/2019 với số vốn điều lệ 10.197.000.000 đồng tương ứng 1.019.700 cổ phần.

Công ty đã nộp hồ sơ đăng ký Công ty đại chúng với Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước và đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Hệ thống giao dịch giành cho các Công ty đại chúng chưa niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

6. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019

7. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019 của Công ty.

8. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán

9. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31/12/2019, kết

5313441
CÔNG
TÁC NHÌ
VIỆT
H XUA

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG - VVMI

Địa chỉ: Tổ 20, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019

quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2020

THAY MẶT BAN GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC



[Handwritten signature]
Trình Hoàng Nam



1640-C
CÔNG TY
M.0001
HÀ NỘI
NAM
1-15

Số: 06 /2020/BCKT - PKF.VPC

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng - VVMI.**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng - VVMI được lập 25/02/2020 bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 7 đến trang 36 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng - VVMI chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31/12/2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng - VVMI, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Nguyễn Như Tiên
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0449-2018-242-1

Nguyễn Thị Thương
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3381-2020-242-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		26.473.944.774	54.543.439.037
Tiền và tương đương tiền	110		919.531.812	5.612.563.626
Tiền	111		919.531.812	3.542.095.445
Các khoản tương đương tiền	112	5.1	-	2.070.468.181
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		17.656.365.907	34.808.728.395
Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	5.2	5.780.219.526	22.520.623.463
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.5	1.599.507.894	1.703.430.894
Phải thu theo tiến độ KH hợp đồng XD	134		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	10.276.638.487	10.781.258.183
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5.4	-	(196.584.145)
Hàng tồn kho	140		7.891.983.320	14.055.833.406
Hàng tồn kho	141	5.6	7.891.983.320	14.055.833.406
Tài sản ngắn hạn khác	150		6.063.735	66.313.610
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	59.107.711
Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước	153		6.063.735	7.205.899
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.689.511.474	2.922.931.914
Tài sản cố định	220	5.8	2.597.774.080	2.817.135.972
TSCĐ hữu hình	221		2.597.774.080	2.817.135.972
- Nguyên giá	222		5.287.267.190	5.287.267.190
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(2.689.493.110)	(2.470.131.218)
Tài sản dài hạn khác	260		91.737.394	105.795.942
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	91.737.394	105.795.942
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		29.163.456.248	57.466.370.951

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

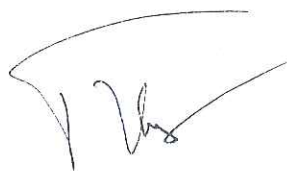
Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
NỢ PHẢI TRẢ	300		18.507.486.706	46.815.490.048
Nợ ngắn hạn	310		18.507.486.706	46.815.490.048
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	8.335.286.197	27.423.850.154
Người mua trả tiền trước	312	5.11	4.147.621.713	5.905.564.757
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	147.478.771	119.080.995
Phải trả người lao động	314		202.476.418	206.360.062
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	21.036.054	15.213.380
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	267.994.671	104.295.460
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.9	5.319.938.747	12.995.265.550
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		65.654.135	45.859.690
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		10.655.969.542	10.650.880.903
Vốn chủ sở hữu	410	5.15	10.655.969.542	10.650.880.903
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		10.197.000.000	9.900.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		10.197.000.000	9.900.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		329.868.660	329.868.660
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		129.100.882	421.012.243
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		124.012.243	414.085.298
- LNST chưa PP kỳ này	421b		5.088.639	6.926.945
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		29.163.456.248	57.466.370.951

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Tiên Việt

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Tiên Việt

GIÁM ĐỐC



Trịnh Hoàng Nam

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG - VVMI

Địa chỉ: Tổ 20, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

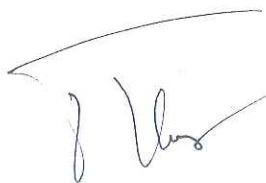
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	36.583.857.356	63.899.925.082
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần từ bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	10		36.583.857.356	63.899.925.082
Giá vốn hàng bán và dịch vụ	11	6.2	33.094.593.492	58.981.892.486
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.489.263.864	4.918.032.596
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	143.340.576	74.303.936
Chi phí tài chính	22	6.4	779.958.568	748.242.881
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		779.958.568	748.242.881
Chi phí bán hàng	24		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.5	2.712.260.712	4.222.151.300
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		140.385.160	21.942.351
Thu nhập khác	31	6.6	3.980.000	163.487.173
Chi phí khác	32		-	39.187.479
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		3.980.000	124.299.694
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		144.365.160	146.242.045
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	139.276.521	139.315.100
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		5.088.639	6.926.945
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	5	7
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Tiến Việt

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Tiến Việt

GIÁM ĐỐC



Trình Hoàng Nam

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG - VVMI

Địa chỉ: Tổ 20, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		144.365.160	146.242.045
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		219.361.892	219.361.896
Các khoản dự phòng	03		(196.584.145)	-
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(143.340.576)	(77.616.801)
Chi phí lãi vay	06		779.958.568	748.242.881
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		803.760.899	1.036.230.021
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		17.552.381.987	(4.673.796.762)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		6.163.850.086	(4.227.335.864)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11		(20.679.449.734)	9.123.351.613
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12		14.058.548	(50.734.248)
Tiền lãi vay đã trả	14		(771.200.294)	(750.584.047)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(121.056.045)	(66.240.007)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		66.340.000	45.600.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(56.525.555)	(141.049.172)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2.972.159.892	295.441.534
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	42.500.000
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	74.303.936
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.135.097	116.803.936
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		10.135.097	116.803.936
Tiền thu từ đi vay	33	7.1	19.440.475.763	44.791.572.414
Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(27.115.802.566)	(40.395.686.896)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(7.675.326.803)	4.395.885.518
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM				
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		5.612.563.626	804.432.638
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		919.531.812	5.612.563.626


Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Tiến Việt

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Tiến Việt

GIÁM ĐỐC



Trịnh Hoàng Nam

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG - VVMI

Địa chỉ: Tổ 20, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng - VVMI tiền thân là Xí nghiệp Xây dựng công nghiệp và dân dụng Hà Nội - đơn vị trực thuộc Công ty Than nội địa (nay là Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP), được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 08/2000/QĐ-BCN ngày 23 tháng 02 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp.

Công ty hoạt động với tên là Công ty Cổ phần xây lắp Đông Anh theo giấy kinh doanh số 0103000030 được đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 04 năm 2000 và thay đổi lần 2 ngày 26 tháng 8 năm 2003, thay đổi lần 3 ngày 22 tháng 04 năm 2005. Sau đó, Công ty hoạt động với tên gọi Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng - VVMI theo giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần 4,5,6,7 và lần 8 ngày 30 tháng 07 năm 2019 với mã số doanh nghiệp là 0101023733 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Theo giấy đăng ký kinh doanh lần 8 ngày 30 tháng 07 năm 2019, hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Xây dựng các công trình dân dụng: Xây lắp công trình công nghiệp, dân dụng; xây lắp đường dây tải điện và trạm biến áp đến 35KV; xây lắp các công trình thủy lợi;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- San đắp nền móng các công trình và làm đường bộ, cầu cống;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019, hoạt động chính của công ty là xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, xây dựng lắp đặt hệ thống điện, san đắp nền móng các công trình và làm đường bộ, cầu cống.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở tại: Tổ 20, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Đến ngày 31/12/2019, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 55 người, trong đó số cán bộ quản lý là 7 người.

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018 của Công ty.

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019 của Công ty tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3 Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Giá trị nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa Phương pháp đích danh
- Chi phí SXKD dở dang Tập hợp chi phí trực tiếp dựa trên hoạt động bình thường.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

4.5.1 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019

- | | |
|--------------------------|-----------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05-25 năm |
| - Máy móc thiết bị | 08-20 năm |
| - Phương tiện vận tải | 06-10 năm |
| - Thiết bị quản lý | 05 năm |

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, chi phí tiền thuê đất, chi phí tiền cấp quyền khai thác, chi phí sửa chữa và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.7 Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

4.8 Chi phí đi vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong năm tài chính không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong năm tài chính. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng năm không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong năm tài chính đó.

4.9 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm: chi phí lãi vay, chi phí dịch vụ kiểm toán, phí bảo lãnh hợp đồng,... Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019

4.10 Dự phòng phải trả

Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả: Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở năm kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở năm kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở năm kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở năm kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của năm kế toán đó.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101023733 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội thay đổi lần 08 cấp ngày 30 tháng 07 năm 2019 và cho đến ngày kết thúc năm tài chính các cổ đông đã góp vốn cổ phần vào Công ty như sau:

Nhà đầu tư	Vốn điều lệ		
	Theo Giấy CNKD (VND)	Vốn thực góp (VND)	%
TCT Công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	5.200.470.000	5.200.470.000	100%
Các cá nhân khác	4.996.530.000	4.996.530.000	100%
Tổng cộng	10.197.000.000	10.197.000.000	100%

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

4.12 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận;
- Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG - VVMI

Địa chỉ: Tổ 20, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019

4.13 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định phát sinh trong năm tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

4.14 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Hàng hoá, dịch vụ do Công ty sản xuất và cung cấp chịu mức thuế suất thuế GTGT là 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hàng năm là 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.15 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

		31/12/2019	01/01/2019
		(VND)	(VND)
Tiền mặt tại quỹ	(i)	17.293.882	152.201.389
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	(ii)	902.237.930	3.389.894.056
Các khoản tương đương tiền		-	2.070.468.181
Cộng		919.531.812	5.612.563.626

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG - VVMI

Địa chỉ: Tổ 20, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019

(i) Số dư tiền mặt tại quỹ vào ngày 31/12/2019 bao gồm:

	Nguyên tệ	VND
Ngoại tệ		-
Đồng Việt Nam		17.293.882
Cộng		17.293.882

(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2019 bao gồm:

	Nguyên tệ	VND
Ngoại tệ		-
Đồng Việt Nam		902.237.930
NH TMCP ĐT&PT Việt Nam - CN Đông Anh		890.493.421
NH TMCP Quân đội - CN Đông Anh		11.403.131
NH TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Anh		341.378
Cộng		902.237.930

Toàn bộ số dư tài khoản tiền của Công ty tại Ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được sử dụng để đảm bảo cho 02 Hợp đồng tín dụng hạn mức ký giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Hà Nội và Ngân hàng TMCP Quân Đội Việt Nam - CN Đông Anh (chi tiết xem Thuyết minh số 5.9).

5.2 Phải thu khách hàng

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	5.780.219.526	22.520.623.463
Công ty TNHH TM Ngọc Anh	3.773.941.419	-
Công ty CP Than Mông Dương - Vinacomin	69.241.783	12.616.171.257
Công ty CP Đông Đô	1.055.836.154	1.355.836.154
Các đối tượng khác	881.200.170	8.548.616.052
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	5.780.219.526	22.520.623.463

Toàn bộ các nguồn thu hợp pháp mà Công ty là đơn vị được thụ hưởng được sử dụng để đảm bảo cho 02 Hợp đồng tín dụng hạn mức ký giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Hà Nội và Ngân hàng TMCP Quân Đội Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh (chi tiết xem Thuyết minh số 5.9).

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG - VVMI

Địa chỉ: Tổ 20, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019

5.3 Phải thu khác

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	10.276.638.487	-	10.781.258.183	-
Lê Huy Nghĩa	3.673.170.128	-	4.402.367.633	-
Vũ Quốc Phương	868.261.483	-	1.804.287.167	-
Nguyễn Trọng Thu	1.582.623.976	-	1.240.358.521	-
Đào Văn Hoạt	1.174.308.653	-	1.192.037.815	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn (*)	2.000.000.000	-	-	-
Đối tượng khác	978.274.247	-	2.142.207.047	-
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	10.276.638.487	-	10.781.258.183	-

Khoản ký quỹ ký cược tại ngày 31/12/2019 là khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội đã cầm cố theo Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 01/2019/153710/HĐBĐ ngày 07/01/2019 để đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/153710/HĐTD ngày 10/12/2018 ký giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội với Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng - VVMI.

5.4 Nợ xấu

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	-	-	1.196.584.145	1.000.000.000
- Từ 3 năm trở lên	-	-	1.196.584.145	1.000.000.000
TCT Xây dựng công nghiệp Việt Nam (Vinaincon - Licogi)	-	-	1.196.584.145	1.000.000.000

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG - VVMI

Địa chỉ: Tổ 20, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019

5.5 Trả trước cho người bán

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.599.507.894	1.703.430.894
Công ty TNHH Quỳnh Trang	1.583.007.894	1.583.007.894
Công ty cổ phần QLDB và XDCT Thừa Thiên Huế	-	120.423.000
Công ty CP Chứng khoán Rồng Việt	16.500.000	-
Trả trước cho người bán dài hạn	-	-
Cộng	1.599.507.894	1.703.430.894

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	271.598.531	-	1.366.221.031	-
Công cụ dụng cụ	-	-	23.190.640	-
Chi phí SXKD dở dang	7.620.384.789	-	12.666.421.735	-
Cộng	7.891.983.320	-	14.055.833.406	-

Toàn bộ giá trị vật tư, hàng hóa và các tài sản hợp pháp khác của Công ty được sử dụng để đảm bảo cho 02 Hợp đồng tín dụng hạn mức ký giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội và Ngân hàng TMCP Quân Đội Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh (chi tiết xem Thuyết minh số 5.9).

5.7 Chi phí trả trước

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
Ngắn hạn	-	-
Dài hạn	91.737.394	105.795.942
Công cụ dụng cụ dùng nhiều năm	91.737.394	105.795.942
Cộng	91.737.394	105.795.942

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG - VVMII

Địa chỉ: Tổ 20, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019

5.8 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, trang thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	3.807.527.697	47.142.857	1.432.596.636	-	5.287.267.190
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	3.807.527.697	47.142.857	1.432.596.636	-	5.287.267.190
GIÁ TRỊ HAO MÒN					
Số dư đầu năm	1.283.105.488	38.285.273	1.148.740.457	-	2.470.131.218
- Khấu hao trong năm	117.566.880	1.610.472	100.184.540	-	219.361.892
- Hao mòn trong năm	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	1.400.672.368	39.895.745	1.248.924.997	-	2.689.493.110
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	2.524.422.209	8.857.584	283.856.179	-	2.817.135.972
Tại ngày cuối năm	2.406.855.329	7.247.112	183.671.639	-	2.597.774.080
Trong đó: - Giá trị còn lại của tài sản thế chấp, cầm cố					2.597.774.080
- Đã KH hết, đang sử dụng					1.258.541.387
- Chờ thanh lý					-

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG - VVMI

Địa chỉ: Tổ 20, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019

5.9 Vay và nợ thuế tài chính

	01/01/2019 (VND)		31/12/2019 (VND)			
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Giá trị	Khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	12.995.265.550	12.995.265.550	19.440.475.763	27.115.802.566	5.319.938.747	5.319.938.747
NHTMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Đông Anh (*)	8.008.877.629	8.008.877.629	17.811.724.763	21.000.663.645	4.819.938.747	4.819.938.747
NHTMCP Quân Đội Việt Nam - CN Đông Anh (**)	4.986.387.921	4.986.387.921	1.628.751.000	6.115.138.921	500.000.000	500.000.000
b. Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	12.995.265.550	12.995.265.550	19.440.475.763	27.115.802.566	5.319.938.747	5.319.938.747

(*) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/153710/HĐTD ngày 03/09/2019 ký giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội với Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng - VVMI với hạn mức vay 15.000.000.000 đồng, thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng hạn mức này, kỳ hạn và lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Hợp đồng được đảm bảo bằng:

- Toàn bộ số dư tài khoản tiền bằng VNĐ và ngoại tệ của Công ty tại Ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác;
- Toàn bộ các nguồn thu hợp pháp mà Công ty là đơn vị được thụ hưởng;
- Toàn bộ giá trị vật tư, hàng hóa, tài sản hình thành từ vốn vay tại BIDV, các L/c do BIDV phát hành, tài trợ và các tài sản hợp pháp khác của Công ty

(**) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 2956.19.031.1479768.TT ngày 24/01/2019 ký giữa Ngân hàng TMCP Quân Đội Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh với Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng - VVMI với hạn mức vay 8.000.000.000 đồng, thời gian duy trì hạn mức từ ngày ký hợp đồng tín dụng hạn mức này đến ngày 22/01/2020, kỳ hạn và lãi suất căn cứ vào từng giấy nhận nợ của khách hàng với ngân hàng. Hợp đồng được đảm bảo bằng:

- Toàn bộ số dư tài khoản tiền bằng VNĐ và ngoại tệ của Công ty tại Ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác;
- Toàn bộ các nguồn thu hợp pháp mà Công ty là đơn vị được thụ hưởng;
- Toàn bộ giá trị vật tư, hàng hóa, tài sản hình thành từ vốn vay tại MB, các L/c do MB phát hành, tài trợ và các tài sản hợp pháp khác của Công ty

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG - VVMI

Địa chỉ: Tổ 20, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019

5.10 Phải trả người bán

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	8.335.286.197	8.335.286.197	27.423.850.154	27.423.850.154
Công ty TNHH TM Đức Giang	-	-	2.410.260.554	2.410.260.554
Công ty TNHH TM và DV Oanh Sơn	-	-	2.409.313.112	2.409.313.112
Công ty CP LILAMA 69-1 Phả Lại	373.553.611	373.553.611	2.873.553.611	2.873.553.611
Công ty CP Sản xuất thương mại Huy Minh	723.199.883	723.199.883	1.292.652.263	1.292.652.263
Công ty TNHH DVTM Thiên Phúc An Khang	677.144.430	677.144.430	211.807.750	211.807.750
Phải trả cho các đối tượng khác	6.561.388.273	6.561.388.273	18.226.262.864	18.226.262.864
Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	8.335.286.197	8.335.286.197	27.423.850.154	27.423.850.154

5.11 Người mua trả tiền trước

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP	1.610.361.499		819.093.916	
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Pors	1.917.450.859		2.206.883.160	
Chi nhánh Công ty CP Vật tư - TKV - Xi nghiệp Vật tư	398.165.370		-	
Các đối tượng khác	221.643.985		2.879.587.681	
Cộng	4.147.621.713		5.905.564.757	

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG - VVM I

Địa chỉ: Tổ 20, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019

5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2019 (VND)	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2019 (VND)
Phải nộp	119.080.995	1.897.230.289	1.868.832.513	147.478.771
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	1.603.720.720	1.593.543.420	10.177.300
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	119.080.995	139.276.521	121.056.045	137.301.471
Thuế nhà đất, thuế thuế đất	-	152.233.048	152.233.048	-
Thuế môn bài	-	2.000.000	2.000.000	-
Cộng	119.080.995	1.897.230.289	1.868.832.513	147.478.771
Phải thu	7.205.899	1.142.164	-	6.063.735
Thuế thu nhập cá nhân	7.205.899	1.142.164	-	6.063.735
Cộng	7.205.899	1.142.164	-	6.063.735

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019

5.13 Chi phí phải trả

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
Ngắn hạn	21.036.054	15.213.380
Chi phí lãi vay phải trả	21.036.054	12.277.780
Chi phí phải trả khác	-	2.935.600
Dài hạn	-	-
Cộng	21.036.054	15.213.380

5.14 Phải trả khác

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
a. Ngắn hạn	267.994.671	104.295.460
Kinh phí công đoàn	15.249.871	35.000.660
Kinh phí đảng	25.000.000	25.000.000
Thù lao HDQT và Ban kiểm soát	-	36.550.000
Hỗ trợ CBCNV từ Tổng công ty	220.000.000	-
Khác	7.744.800	7.744.800
b. Dài hạn	-	-
Cộng	267.994.671	104.295.460

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG - VVMI**

Địa chỉ: Tổ 20, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019

5.15 Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu (VND)	Quỹ đầu tư phát triển (VND)	LNST chưa phân phối (VND)	Tổng cộng (VND)
Số dư đầu năm trước	9.900.000.000	329.868.660	414.085.298	10.643.953.958
- Lãi trong năm trước	-	-	6.926.945	6.926.945
- Chia trả cổ tức	-	-	-	-
- Phân phối các quỹ	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước/đầu năm nay	9.900.000.000	329.868.660	421.012.243	10.650.880.903
- Tăng vốn trong năm nay (*)	297.000.000	-	-	297.000.000
- Lãi trong năm	-	-	5.088.639	5.088.639
- Chia trả cổ tức	-	-	(297.000.000)	(297.000.000)
- Phân phối các quỹ	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	10.197.000.000	329.868.660	129.100.882	10.655.969.542

(*) Theo Nghị quyết số 28/2019/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 22/03/2019 thông qua chủ trương tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng - VVMI từ 9.900.000.000 đồng lên thành 10.197.000.000 đồng. Hình thức tăng vốn: Công ty phát hành 29.700 cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận còn lại để chi trả cổ tức cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ hiện có trong tổng cổ phần của Công ty.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
TCT Công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	5.200.470.000	5.049.000.000
Vốn đầu tư của đối tượng khác	4.996.530.000	4.851.000.000
Cộng	10.197.000.000	9.900.000.000

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG - VVMI**

Địa chỉ: Tổ 20, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	9.900.000.000	9.900.000.000
Vốn góp tăng trong năm	297.000.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	10.197.000.000	9.900.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	297.000.000	-
Cổ phiếu		
	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.019.700	990.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.019.700	990.000
Cổ phiếu phổ thông	1.019.700	990.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.019.700	990.000
Cổ phiếu phổ thông	1.019.700	990.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND	10.000 VND

Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
Quỹ đầu tư phát triển	329.868.660	329.868.660

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ để tái đầu tư sản xuất, dự phòng rủi ro tài chính.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG - VVMI

Địa chỉ: Tổ 20, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	36.583.857.356	63.899.925.082
Doanh thu xây lắp	35.883.499.435	63.834.925.082
Doanh thu khác	700.357.921	65.000.000
Cộng	36.583.857.356	63.899.925.082

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Giá vốn xây lắp	32.914.530.992	58.916.892.486
Giá vốn khác	180.062.500	65.000.000
Cộng	33.094.593.492	58.981.892.486

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	143.340.576	74.303.936
Cộng	143.340.576	74.303.936

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Chi phí lãi vay	779.958.568	748.242.881
Cộng	779.958.568	748.242.881

31/12/2019
GÓP
CƠNH
P
VIỆT
XUẤT

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG - VVMI

Địa chỉ: Tổ 20, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	1.450.600.291	2.465.115.665
Chi phí vật liệu, văn phòng phẩm	263.933.693	303.574.939
Khấu hao TSCĐ	219.361.892	219.361.896
Thuế và lệ phí	154.233.048	45.246.562
Chi phí dịch vụ mua ngoài	118.566.782	115.764.595
Chi phí khác bằng tiền	702.149.151	1.073.087.643
Các khoản ghi giảm Chi phí quản lý doanh nghiệp	(196.584.145)	-
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(196.584.145)	-
Cộng	2.712.260.712	4.222.151.300

6.6 Thu nhập khác

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Thu nhập khác	3.980.000	163.487.173
Cộng	3.980.000	163.487.173

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành		
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	144.365.160	146.242.045
- Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	552.017.444	550.333.455
+ Chi phí không hợp lý	552.017.444	550.333.455
- Tổng thu nhập chịu thuế	696.382.604	696.575.500
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	139.276.521	139.315.100
Cộng	139.276.521	139.315.100

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG - VVMI

Địa chỉ: Tổ 20, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.088.639	6.926.945
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty	5.088.639	6.926.945
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.019.700	990.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5	7

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.932.715.481	33.135.318.647
Chi phí nhân công	7.687.774.185	10.925.214.531
Chi phí khấu hao tài sản cố định	219.361.892	219.361.896
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.643.347.492	22.314.566.396
Chi phí khác bằng tiền	697.512.505	1.299.577.731
Cộng	31.180.711.555	67.894.039.201

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1 Số tiền đi vay thực thu trong năm:

Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường 19.440.475.763 VND

7.2 Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:

Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường: 27.115.802.566 VND

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

8.1 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có: rủi ro lãi suất, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn. Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1, Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG - VVMI

Địa chỉ: Tổ 20, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Ngày 31/12/2019			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	919.531.812	-	919.531.812
Phải thu khách hàng	5.780.219.526	-	5.780.219.526
Phải thu khác	7.735.024.304	-	7.735.024.304
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Tổng cộng	14.434.775.642	-	14.434.775.642
Ngày 31/12/2019			
Các khoản vay và nợ	5.319.938.747	-	5.319.938.747
Phải trả người bán	8.335.286.197	-	8.335.286.197
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	289.030.725	-	289.030.725
Tổng cộng	13.944.255.669	-	13.944.255.669
Chênh lệch thanh khoản thuần		-	
Ngày 01/01/2019			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.612.563.626	-	5.612.563.626
Phải thu khách hàng	22.520.623.463	-	22.520.623.463
Phải thu khác	10.776.667.489	-	10.776.667.489
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	(196.584.145)	-	(196.584.145)
Tổng cộng	38.713.270.433	-	38.713.270.433
Ngày 01/01/2019			
Các khoản vay và nợ	12.995.265.550	-	12.995.265.550
Phải trả người bán	27.423.850.154	-	27.423.850.154
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	119.508.840	-	119.508.840
Tổng cộng	40.538.624.544	-	40.538.624.544
Chênh lệch thanh khoản thuần	(1.825.354.111)	-	(1.825.354.111)

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG - VVMI

Địa chỉ: Tổ 20, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp, Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2019	01/01/2019	31/12/2019	01/01/2019
Tài sản tài chính				
Các khoản cho vay và phải thu	13.515.243.830	33.297.290.952	13.515.243.830	33.100.706.807
<i>Phải thu khách hàng, phải thu khác</i>	<i>13.515.243.830</i>	<i>33.297.290.952</i>	<i>13.515.243.830</i>	<i>33.100.706.807</i>
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	-	-	-
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>919.531.812</i>	<i>5.612.563.626</i>	<i>919.531.812</i>	<i>5.612.563.626</i>
Tổng cộng	14.434.775.642	38.909.854.578	14.434.775.642	38.713.270.433
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	5.319.938.747	12.995.265.550	5.319.938.747	12.995.265.550
Phải trả người bán	8.335.286.197	27.423.850.154	8.335.286.197	27.423.850.154
Phải trả khác	267.994.671	104.295.460	267.994.671	104.295.460
Tổng cộng	13.923.219.615	40.523.411.164	13.923.219.615	40.523.411.164

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2019 và ngày 01/01/2019. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

8.2 Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo loại hình kinh doanh: Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chỉ có hoạt động xây lắp. Do đó công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát sinh chủ yếu tại thị trường Lạng Sơn, còn một số thị trường như Thái Nguyên, Quảng Ninh doanh thu chiếm tỷ trọng không đáng kể. Do đó Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG - VVMI

Địa chỉ: Tổ 20, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019

8.3 Thông tin về các bên có liên quan

Các bên liên quan:

Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như được trình bày dưới đây:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Loại giao dịch	Số tiền (VND)
Công ty CP Xi Măng Quán Triều - VVMI	Cùng Tổng công ty	Bán hàng hóa cung cấp dịch vụ	199.996.590
		Mua vật tư, hàng hóa	199.072.728
Công ty CP xi măng Tân Quang - VVMI	Cùng Tổng công ty	Bán hàng hóa cung cấp dịch vụ	(51.376.003)
Công ty CP Xi măng La Hiên - VVMI	Cùng Tổng công ty	Bán hàng hóa cung cấp dịch vụ	560.177.388
Công ty Than Khánh Hòa - VVMI	Cùng Tổng công ty	Bán hàng hóa cung cấp dịch vụ	169.703.655
Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Kinh doanh tổng hợp - VVMI	Cùng Tổng công ty	Mua vật tư, hàng hóa	23.563.636
Tổng công ty CN Mỏ Việt Bắc - TKV - CTCP	Cùng Tổng công ty	Bán hàng hóa cung cấp dịch vụ	74.732.375
Công ty CP Than Mông Dương - Vinacomin	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa cung cấp dịch vụ	(342.408.820)
Công ty CP than Vàng Danh - Vinacomin	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa cung cấp dịch vụ	(26.109.474)
CN Công ty CP vật tư - TKV - Xi nghiệp vật tư Cẩm Phả	Cùng Tập đoàn	Bán hàng hóa cung cấp dịch vụ	3.812.209.976
Bệnh viện Than - Khoáng Sản	Cùng Tập đoàn	Mua dịch vụ	22.379.400

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG - VVMI**

Địa chỉ: Tổ 20, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019

Vào ngày kết thúc năm tài chính 31/12/2019, các khoản phải thu, phải trả chủ yếu của Công ty với các bên có liên quan được thể hiện như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tài khoản	Số dư tại 31/12/2019 (VND)
Bệnh viện Than - Khoáng Sản	Cùng Tập đoàn	Phải trả người bán	22.379.400
Công ty CP Than Mông Dương - Vinacomin	Cùng Tập đoàn	Phải thu khách hàng	69.241.783
Công ty CP cơ khí mỏ và đóng tàu - TKV	Cùng Tập đoàn	Phải trả người bán	206.951.613
Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP	Cùng Tập đoàn	Người mua ứng trước	1.610.361.499
CN công ty CP vật tư - TKV - Xí nghiệp vật tư	Cùng Tập đoàn	Người mua ứng trước	398.165.370

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát:

	Năm 2019
Lương thưởng của Ban Giám đốc	327.043.727
Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-
Tổng cộng	327.043.727

8.4 Các sự kiện quan trọng phát sinh trong năm tài chính

Theo Nghị quyết số 28/2019/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 22/03/2019 thông qua chủ trương tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng - VVMI từ 9.900.000.000 đồng lên thành 10.197.000.000 đồng. Hình thức tăng vốn: Công ty phát hành 29.700 cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận còn lại để chi trả cổ tức cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ hiện có trong tổng cổ phần của Công ty.

Công ty đã hoàn tất thủ tục tăng vốn và được Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần với mã số 0101023733 đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 30/07/2019 với số vốn điều lệ 10.197.000.000 đồng tương ứng 1.019.700 cổ phần.

Công ty đã nộp hồ sơ đăng ký Công ty đại chúng với Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước và đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Hệ thống giao dịch giành cho các Công ty đại chúng chưa niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

8.5 Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập Báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào khác có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG - VVMI

Địa chỉ: Tổ 20, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

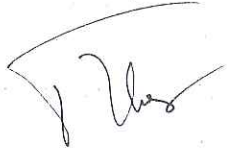
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019

8.6 Thông tin so sánh

Số liệu được dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt đầu kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam

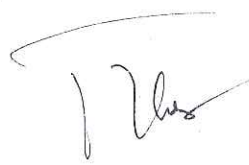
Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Tiến Việt

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Tiến Việt

GIÁM ĐỐC



Trịnh Hoàng Nam

CHUNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: **28-02-2020**

chứng thực: **1237**.....Quyển **01**.....SCT/.....

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



PHÓ CHỦ TỊCH

Ngô Văn Hạnh